

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

Bản án số: 231/2017/HSPT

Ngày 22/9/2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tiến

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Bá Sơn

Ông Nguyễn Thanh Long

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Kiều, Cán bộ Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa: Ông Quách Đức Dũng, Kiểm sát viên.

Vào ngày 22 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 195/2017/TLPT-HS ngày 25 tháng 5 năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Thị Kim T cùng đồng bọn về tội “Giữ người trái pháp luật” và “Cưỡng đoạt tài sản”. Do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Kim T, Phan Nhật T kháng cáo với cùng nội dung xin được hưởng án treo đối với tội “Giữ người trái pháp luật” và yêu cầu tuyên không phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Các bị cáo Huỳnh Văn T, Lý Thanh S, Nguyễn Thọ Đại D kháng cáo với cùng nội dung xin hưởng án treo và kháng cáo của người bị hại ông Trần Văn B đối với bản án hình sự sơ thẩm số 13/2017/HSST ngày 14/4/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

* Các bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo:

1. NGUYỄN THỊ KIM T - Sinh năm: 1965 tại Bình Định; Nơi ĐKKHKT: P.NM, Tp. Q, Bình Định; Nơi cư trú: p. LTK, thành phố Q, Bình Định. Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Nguyễn T, sinh năm 1937 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1936; Có chồng: Trương Đình D, sinh năm: 1965 (bị cáo trong cùng vụ án), có 02 con sinh năm 1992 và 2000; Tiền án, tiền sự: không; Bắt tạm giam: 03.11.2015; Thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lãnh: 28.12.2015. Có mặt.

2. PHAN NHẬT T1 (tên gọi khác: Trường Nhiếu) sinh năm: 1982 tại Bình Định; Nơi cư trú: P.TQD, Q, Bình Định; Nghề nghiệp: Kỹ thuật sơn PU; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Phan Văn T, sinh năm 1951 và bà Trương Thị H, sinh năm 1952; Có vợ: Phạm Thị Thanh V, sinh năm: 1983; có 02 con sinh năm 2009 và 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Bắt tạm giam: 08.10.2015; Thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lãnh 04.02.2016. Có mặt.

3. TRƯƠNG ĐÌNH D - Sinh năm: 1965 tại Tuy Phước; Nơi ĐKKHKT: P.NM, Tp. Q, Bình Định; Nơi cư trú: p. LTK, Tp. Q, Bình Định; Nghề nghiệp: Khai thác đá; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Trương C (chết) và bà Nguyễn Thị M (chết); Có vợ: Nguyễn Thị Kim Thoa, sinh năm: 1965 (bị cáo trong cùng vụ án) có 02 con sinh năm 1992 và 2000; Tiền án, tiền sự: Không. Có mặt.

4. HUỖNH VĂN T2 (Tên gọi khác: T đen), sinh năm: 1987 tại TP; Nơi cư trú: xã PT, huyện TP, tỉnh Bình Định; Nghề nghiệp: Thợ đá; Trình độ học vấn: 7/12; Con ông: Huỳnh Văn G, sinh năm: 1953 và bà Trần Thị T, sinh năm: 1949; Có vợ: Hồ Thị Phương T, sinh năm: 1990, có 02 con sinh năm 2008 và 2011; Tiền án, tiền sự: không; Bắt tạm giam: 08.10.2015; Thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lãnh 04.02.2016. Có mặt.

5. LÝ THANH S - Sinh năm: 1991 tại Bình Định; Nơi cư trú: P.TQD, Tp. Q, tỉnh Bình Định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông: Lý M, sinh năm: 1966 và bà Tạ Thị Mỹ P, sinh năm: 1964; Có vợ: Bùi Thị D, sinh năm: 1997, có 01 con sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Ngày 26.9.2007 bị TAND tỉnh Bình Định xử phúc thẩm phạt 05 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, Ngày 22.9.2010 bị TAND tỉnh Bình Định xử phúc thẩm phạt 06 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”; Bắt tạm giam: 06.10.2015; Thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lãnh 04.02.2016. Có mặt.

6. TRẦN TRỌNG H (tên gọi khác: Lưu mạnh), sinh năm: 1991 tại Bình Định; Nơi cư trú: P.TQD, Tp. Q, tỉnh Bình Định; Nghề nghiệp: Thợ đá; trình độ học vấn: 7/12; Con ông Trần Văn H, sinh năm: 1965 và bà Huỳnh Thị C, sinh năm: 1966; Có vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm: 1993 có 01 con sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không; Lịch sử bản thân: Ngày 29.11.2009 bị TAND tỉnh Bình Định xử phúc thẩm phạt 04 năm tù về tội “Cướp giạt tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù 31.8.2011; Bắt tạm giam: 06.10.2015 Thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lãnh 04.02.2016. Vắng mặt.

7. NGUYỄN THỌ ĐẠI D (tên gọi khác: Tý nhỏ), sinh năm: 1993 tại Khánh Hòa; Nơi ĐKKHKT: xã NH, Tp. Q, tỉnh Bình Định; Nơi cư trú: Tp. Q, Bình Định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông: Nguyễn Thọ D, sinh năm: 1965 và bà Phạm Thị H, sinh năm: 1969; Tiền án, tiền sự: Không;

Lịch sử bản thân: Ngày 21.11.2012 bị TAND tỉnh Bình Định xử phúc thẩm phạt 01 năm 09 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” và “Đánh bạc”, đặc xá ngày 30.8.2013; Bắt tạm giam: 06.10.2015; Thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lãnh: 04.02.2016. Có mặt.

8. NGUYỄN QUANG P (Tên gọi khác: Ky), sinh năm 1994 tại Phú Yên; Nơi cư trú: xã XL, huyện ĐX, tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; Con ông: Nguyễn Đình T, sinh năm: 1970 và bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm: 1973; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Lịch sử bản thân: Ngày 09.12.2011 bị TAND huyện Đồng Xuân tỉnh Phú Yên xử phạt 02 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” và “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Vắng mặt.

* Người bị hại: Ông Trần Văn B, sinh năm: 1966; Nơi cư trú: phường 4, quận PN, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại ông Trần Văn B: Ông Đỗ Hải B - Luật sư của văn phòng luật sư QA - Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các bị cáo Nguyễn Thị Kim T, Phan Nhật T, Huỳnh Văn T, Trương Đình D, Lý Thanh S, Trần Trọng H, Nguyễn Thọ Đại D, Nguyễn Quang P bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Trước ngày 10.6.2014, thông qua sự bảo đảm của Nguyễn Thị Kim T, ông Trần Văn B (Giám đốc công ty BN) vay của Nguyễn Thị Thanh H 900.000.000đ, với lãi suất 0,3%/ngày (tương đương 9%/tháng). Ngày 10.6.2014, ông B vay của Nguyễn Thị Kim T 100.000.000đ và thỏa thuận số tiền lãi chưa trả cho khoản vay 900.000.000đ là 80.000.000đ, sau đó ông B viết giấy vay Nguyễn Thị Thanh H 1.080.000.000đ và hẹn sau 20 ngày sẽ trả. Đúng hẹn, ông B chưa có khả năng trả nợ, do đó Nguyễn Thị Kim T đã trả cho Nguyễn Thị Thanh H 900.000.000đ tiền gốc và tiền lãi 0,3% ngày theo thỏa thuận.

Từ khi vay tiền đến ngày 10.01.2015, ông B đã chuyển trả nợ cho T 03 lần với tổng số tiền 900.000.000đ, sau đó ông B không trả nữa, nhiều lần T liên lạc với ông B qua điện thoại để yêu cầu ông B trả nợ và viết lại giấy nhận nợ nhưng ông B chưa có tiền; Hai bên chưa tách toán được với nhau về số nợ gốc, nợ lãi và tổng số nợ còn phải trả.

Số tiền 900.000.000đ ông B chuyển trả, T trừ tiền lãi theo thời điểm trả và tiền gốc, T tính đến ngày 10.01.2015 ông B còn nợ tiền gốc là 598.600.000đ đến ngày 30.9.2015, T tính ông B nợ thêm số tiền lãi là 555.686.000đ, tổng cộng cả

gốc và lãi T tính ông B còn nợ tổng số tiền 1.145.000.000 đồng.

Khoảng giữa tháng 9.2015 T gặp Phan Nhật T1, T nói cho T1 biết việc ông B còn nợ T hơn 1 tỷ đồng, T bàn với T1 tìm cách đòi nợ ông B cho Thoa và thỏa thuận sẽ trả tiền công cho T1 với số tiền 30% trên tổng số tiền đòi được.

Khoảng 17h30' ngày 26.9.2015, T gọi điện thoại hẹn gặp T1, T bàn bạc với T1 cách thức đòi nợ; T1 lấy tên là "Hùng" đóng vai làm người mua nhà S Nguyễn Hữu Quang của ông B. Tin là có người mua nhà, vào khoảng 08h00' ngày 30.9.2015, ông B về Quy Nhơn gọi điện thoại cho T1 để trao đổi việc mua bán nhà, T1 điện thoại thông báo cho T biết và T hướng dẫn T1 đưa ông B đến nhà hàng KC, T bảo T1 bố trí gọi thêm một số người của T1 đến quán KC cùng T, T1 không chể, đe dọa để ông B phải trả tiền nợ cho T. T1 đồng ý và gọi điện thoại cho ông B hẹn gặp lúc 10h00 cùng ngày tại ngã ba PT, đồng thời T1 gọi điện thoại trao đổi cùng Huỳnh Văn T2 về nội dung theo thỏa thuận với T và bảo T2 gọi thêm 03-04 người nữa đến quán KC ngồi chờ sẵn. Sau đó, T2 gọi điện thoại rủ thêm Trần Trọng H, Lý Thanh S đến quán KC. Tại đây, T2 nói rõ mục đích việc đi đòi nợ cho H, S cùng biết.

Đến khoảng 10h00' ngày 30.9.2015, ông B cùng ông Võ N (bảo vệ Công ty BN) đến ngã ba PT, ông B liên lạc với T1. Để tạo sự tin tưởng, T1 đã thuê taxi đến đón ông B, rồi cùng đi đến quán KC và ngồi ở bên cạnh bàn nhóm của T2 đang ăn uống. Một lúc sau, T đến quán KC gặp ông B hỏi việc sao nợ tiền không trả, B nói: “Để hôm nay bán nhà ở đây rồi trả nợ luôn”, T nói cho ông B biết T dụ ông B ra Quy Nhơn để lấy tiền nợ chứ không mua bán nhà; Sau đó T1 đi đến bàn của T2 ngồi. T2 liền đi đến bàn ông B đang ngồi và phân công S và H canh giữ ông B. Trong khi T và Ông B cãi nhau về số tiền ông B còn nợ thì T2 đến gần ông B nói: “Anh có nợ tiền không, chừng nào trả”, ông B không trả lời, T2 liền xông đến dùng tay đánh liên tiếp vào bụng ông B 02 cái; T2 bẻ chiếc đũa gãy làm đôi và chỉ vào mặt ông B đe dọa bảo trả tiền, nếu không thì T2 sẽ đâm. Thấy vậy T xoa dịu: “Thôi để đó chị tính với ông”, sau đó T cùng với ông Nguyễn Văn T - Phó Giám đốc Công ty BN tính toán số tiền gốc và lãi ông B còn nợ T là 1.145.000.000đồng. T yêu cầu ông B viết giấy nhận nợ số tiền 1.145.000.000 đồng nhưng ông B không đồng ý vì cho rằng số nợ quá cao. Lúc này, Trương Đình D đến, T đi về có việc riêng và bảo D ở lại buộc ông B viết giấy nhận nợ.

D cùng các đối tượng trên tiếp tục đe dọa ép buộc ông B viết giấy nhận nợ. Ông B sợ bị đe dọa đến tính mạng nên đã viết giấy nhận nợ số tiền 1.080.000.000 đồng và hẹn đến ngày 15.10.2015 sẽ trả hết nợ, sau đó ông B viết giấy hẹn ngày 01.10.2015 trả trước 300 triệu đồng. Đến khoảng 16h30' cùng ngày, T quay trở lại quán KC, cùng đồng bọn tiếp tục giữ B và ép buộc, đe dọa bắt ông B phải gọi

điện thoại huy động tiền để trả thì T mới thả cho về.

Đến 19h00' ngày 30.9.2015, ông B vẫn chưa có tiền trả, T bàn với T1 đưa ông B đến khách sạn hoặc nhà nghỉ nào khác tiếp tục giữ ông B để buộc ông B phải trả nợ. Sau khi bàn bạc, thương lượng thì T đồng ý đưa ông B về nhà của ông B ở S Nguyễn Hữu Quang, Q. T bảo T1 phân công đồng bọn cùng với vợ chồng T tiếp tục canh giữ cho đến khi ông B trả đủ tiền. T1 đồng ý và phân công S, H đi theo T canh giữ ông B, T1 dặn S gọi thêm người canh giữ. S, H đồng ý tham gia theo sự phân công của T1. Sang gọi thêm Nguyễn Thọ Đại D; H gọi thêm Nguyễn Quang P cùng đến tham gia vào việc canh giữ ông B.

Sau khi bàn bạc thống nhất, Trương Đình D điều khiển xe ô tô chở ông B cùng T, S về nhà của ông B. Trên đường đi, D dừng xe tại chợ D đón thêm Dương; H đi xe mô tô chở P đến sau. Tại nhà của ông B ở S Nguyễn Hữu Quang, T và D tiếp tục ép buộc ông B viết giấy nhận nợ thêm 65.000.000 đồng (cho đủ số tiền 1.145.000.000 đồng mà T xác định ông B còn nợ) và viết giấy cam kết ngày 01.10.2015 trả trước 300.000.000 đồng. Trước khi ra về, T căn dặn nhóm S canh giữ ông B không cho ông B ra khỏi nhà, nếu ông B đi đâu thì báo T và phải được sự đồng ý của T.

Tại nhà của ông B; Trần Trọng H, Lý Thanh S, Nguyễn Thọ Đại D, Nguyễn Quang P thay phiên nhau canh giữ B. Ban ngày luôn có 02 người canh giữ, ban đêm có từ 3 đến 4 người thay nhau canh giữ. T đã đưa cho các đối tượng trên 2.700.000 đồng để chi phí ăn uống, sinh hoạt...trong thời gian canh giữ ông B.

Trong quá trình giữ ông B; S, H thường xuyên liên lạc với T1, T2, T trao đổi bàn cách thức đối phó với ông B, với công an nếu đến nhà kiểm tra hành chính. T1, T2 luôn thay nhau nhắc nhở và đôn đốc việc canh giữ T, D thường xuyên đến kiểm tra gây sức ép buộc ông B chuyển tiền. Trương Đình D đã trực tiếp ở tại nhà số S Nguyễn Hữu Quang ngủ, cùng tham gia với các đối tượng canh giữ ông B 02 đêm.

Vào ngày 01.10.2015, trước sức ép của T và nhóm của T1 đe dọa nên ông B đã rất lo sợ và gọi điện thoại cho ông Nguyễn Quang H (bạn của B ở Quảng Trị) chuyển tiền cho ông B để ông B trả cho T nhằm giảm bớt căng thẳng và áp lực. Ông H chuyển tiền cho ông B qua tài khoản của ông Võ N - nhân viên bảo vệ của Công ty BN, ông N rút tiền và giao lại 50.000.000đ cho ông Nguyễn Văn Thư. Sau đó, T bảo con là Trương Đức Trung đến nhà ông B nhận số tiền 50.000.000đ này từ ông Thư.

Ngày 05.10.2015, Phòng CSĐTTP về TTXH Công an tỉnh Bình Định nhận

được đơn của bà Nguyễn Thị Thủy (vợ ông B) tố cáo Nguyễn Thị Kim T và các đối tượng có hành vi bắt giữ ông Trần Văn B. Qua kiểm tra hành chính nhà của ông Trần Văn B vào rạng sáng ngày 06.10.2015 thì phát hiện tại đây có 03 người gồm: Trần Trọng H, Lý Thanh S, Nguyễn Thọ Đại D đang canh giữ ông B.

Ngày 21.9.2016 gia đình bị cáo T đã nộp 50.000.000đ.

* Tại bản án hình sự sơ thẩm số 13/2017/HSST ngày 14/4/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

- Các bị cáo Nguyễn Thị Kim T, Phan Nhật T1 đều phạm các tội “Giữ người trái pháp luật” và “Cưỡng đoạt tài sản”.

- Các bị cáo Huỳnh Văn T2, Lý Thanh S, Nguyễn Thọ Đại D, Trần Trọng H, Nguyễn Quang P và Trương Đình D đều phạm tội “Giữ người trái pháp luật”.

* Áp dụng: Điểm a Khoản 2 Điều 123; Điểm d Khoản 2 Điều 135; Điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 50 của Bộ luật hình sự.

* Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Kim T 12 (mười hai) tháng tù về tội “Giữ người trái pháp luật”, 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”;

Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 27 (hai mươi bảy) tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, và được trừ thời gian tạm giam trước từ 03.11.2015 đến 28.12.2015.

* Áp dụng: Điểm a Khoản 2 Điều 123; Điểm d Khoản 2 Điều 135; Điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 50 của Bộ luật hình sự.

* Xử phạt: Bị cáo Phan Nhật T1 09 (chín) tháng tù về tội về tội “Giữ người trái pháp luật”, 12 (mười hai) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”; Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 21 (hai mươi mốt) tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, và được trừ thời gian tạm giam trước từ 08.10.2015 đến 04.02.2016.

* Áp dụng: Điểm a Khoản 2 Điều 123; Điểm p Khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điểm g Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự.

* Xử phạt: Bị cáo Lý Thanh S 09 (chín) tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, và được trừ thời gian tạm giam trước từ 06.10.2015 đến 04.02.2016.

* Áp dụng: Điểm a Khoản 2 Điều 123; Điểm p Khoản 1 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật hình sự.

* Xử phạt:

- Bị cáo Huỳnh Văn T2 09 (chín) tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, và được trừ thời gian tạm giam trước từ 08.10.2015 đến 04.02.2016.

- Bị cáo Trần Trọng H 06 (sáu) tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án và được trừ thời gian tạm giam trước từ 06.10.2015 đến ngày 04.02.2016.

- Bị cáo Nguyễn Thọ Đại D 06 (sáu) tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án, và được trừ thời gian tạm giam trước từ 06.10.2015 đến 04.02.2016.

- Bị cáo Nguyễn Quang P 06 (sáu) tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án.

- Bị cáo Trương Đình D 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; Thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho UBND phường Lý Thường Kiệt, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/4/2017 bị cáo Nguyễn Thị Kim T kháng cáo với nội dung: Xin được hưởng án treo đối với tội: “Giữ người trái pháp luật”; không phạm tội: “Cưỡng đoạt tài sản” vì bị cáo chỉ lấy tiền nợ của ông B. Ngày 20/4, 21/4 và 24/4/2017 các bị cáo: Huỳnh Văn T2, Phan Nhật T1, Nguyễn Thọ Đại D và Lý Thanh S kháng cáo xin được hưởng án treo đều với lý do: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, người bị hại cũng có lỗi. Ngày 25/4/2017, người bị hại là ông Trần văn B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, ngày 22/5/2017 ông Bình có đơn kháng cáo bổ sung yêu cầu xét xử phúc thẩm lại các nội dung sau: Buộc tất cả các bị cáo phải chịu trách nhiệm đối với tội: “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 135 của BLHS với số tiền bị cưỡng đoạt là 1.145.000.000 đồng; tăng hình phạt về tội: “Giữ người trái pháp luật” đối với tất cả các bị cáo và không cho bị cáo Trương Đình D được hưởng án treo. Về trách nhiệm dân sự, buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường số tiền thiệt hại 1 tỷ đồng về danh dự, nhân phẩm và uy tín. Tại phiên tòa, các bị cáo có kháng cáo và người bị hại vẫn giữ nguyên nội

dung kháng cáo. Kiểm sát viên đề nghị hủy bản án hình sự sơ thẩm số 13/2017/HSST ngày 14/4/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đối với các bị cáo: Nguyễn Thị Kim T, Phan Nhật T1, Huỳnh Văn T2, Trương Đình D, Lý Thanh S, Trần Trọng H, Nguyễn Thọ Đại D và Nguyễn Quang P. Giao hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định điều tra lại vụ án theo quy định vì có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm trong vụ án mà cụ thể là các bị cáo đều phải chịu trách nhiệm hình sự về Tội: “Cưỡng đoạt tài sản” cùng với các bị cáo Nguyễn Thị Kim T và Phan Nhật T1. Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại thống nhất với đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa và đề nghị phải xác định rõ các nội dung sau: Số tiền bị các bị cáo cưỡng đoạt là 1.145.000.000 đồng; tăng hình phạt về tội: “Giữ người trái pháp luật” đối với tất cả các bị cáo và không cho bị cáo Trương Đình D được hưởng án treo. Về trách nhiệm dân sự, buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường số tiền thiệt hại 1 tỷ đồng về danh dự, nhân phẩm và uy tín cho ông Trần Văn B là người bị hại trong vụ án.

Sau khi nghe các bị cáo, Luật sư bảo vệ quyền lợi cho người bị hại trình bày nội dung kháng cáo, quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án và tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1]. Theo lời khai của các bị cáo, người bị hại và các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra, truy tố xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì có căn cứ để xác định: Thông qua việc bảo đảm của Nguyễn Thị Kim T để Nguyễn Thị Thanh H cho Trần Văn B vay số tiền 900.000.000 đồng, sau đó B tiếp tục vay của T 100.000.000 đồng cũng với số tiền lãi vay của H là 80.000.000 đồng. Ngày 10/6/2014 ông B viết giấy vay của H số tiền 1.080.000.000 đồng và hẹn 20 ngày sẽ trả. Quá hạn, ông B không trả được nên T phải trả cho H số tiền 900.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi 0,3%/ ngày. Sau khi T trả tiền cho H thì ông B mới trả tiền cho T, tính đến ngày 10/01/2015 ông B trả cho T được 900.000.000 đồng. T cho rằng đến ngày 10/01/2015, ông B còn nợ T tiền gốc 598.600.000 đồng, đến ngày 30/9/2015, ông B nợ tiền lãi là 555,686.000 đồng, tổng cộng 1.145.000.000 đồng, nên T tìm cách bắt ông B trả số nợ trên và bàn bạc với Phan Nhật T1 về tỷ lệ chia và cách thức đòi nợ ông B. Khoảng 10 giờ ngày 30/9/2015, theo sự chỉ đạo của T, T1 đã lừa ông Trần Văn B đến nhà hàng KC (thuộc phường BTX, thành phố Q). Tại đây T và T1 đã phân công đồng bọn là: Huỳnh Văn T2, Lý Thanh S, Trần Trọng H và Trương Đình D đe dọa buộc ông B phải viết giấy nhận nợ số tiền 1.080.000.000 đồng và hẹn đến ngày 15/10/2015 sẽ trả hết nợ, sau đó T cùng đồng bọn tiếp tục ép ông B phải gọi điện huy động tiền để trả thì T mới thả cho về. Đến 19 giờ ngày 30/9/2015, ông B chưa có tiền trả nên T cùng đồng bọn (có thêm Nguyễn Thọ Đại D và Huỳnh Quang P) chở ông B về

nhà S Nguyễn Hữu Quang, thành phố Q để giữ ông B và buộc ông B phải viết thêm số nợ 65.000.000 đồng. Ngày 06/10/2015 ông B được Công an thành phố Q giải thoát. Với hành vi và hậu quả như trên, Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2017/HSST ngày 14/4/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Thị Kim T, Phan Nhật T1 phạm các Tội: “Giữ người trái pháp luật” và Tội “Cưỡng đoạt tài sản”; các bị cáo Huỳnh Văn T2, Trương Đình D, Lý Thanh S, Trần Trọng H, Nguyễn Thọ Đại D và Huỳnh Quang P phạm Tội: “Giữ người trái pháp luật”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 123 và điểm d khoản 2 Điều 135 Bộ luật hình sự.

[2]. Xét kháng cáo của người bị hại (ông Trần Văn B): Buộc tất cả các bị cáo: Huỳnh Văn T2, Trương Đình D, Lý Thanh S, Trần Trọng H, Nguyễn Thọ Đại D, Nguyễn Quang P phải chịu trách nhiệm đối với tội: “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 135 của BLHS với số tiền bị cưỡng đoạt là 1.145.000.000 đồng thì thấy: Án sơ thẩm nhận định: *“Bị cáo T nhờ và bàn bạc với bị cáo T1 về việc đòi nợ ông B, T và T1 thỏa thuận về việc trả công cho T1. Các bị cáo khác do T1 rủ, T không thỏa thuận việc trả tiền cho những bị cáo này; Bị cáo D là chồng của bị cáo T không tham gia vào việc vay tiền giữa T và ông B, bị cáo D làm theo chỉ đạo của bị cáo T. Hành vi của T và T1 có mục đích chiếm đoạt tài sản, hành vi của các bị cáo khác không có mục đích chiếm đoạt tài sản; Nên các bị cáo Huỳnh Văn T2, Trương Đình D, Lý Thanh S, Trần Trọng H, Nguyễn Thọ Đại D, Nguyễn Quang P không phải chịu trách nhiệm hình sự về Tội: Cưỡng Đoạt tài sản”*. Nhận định được trích dẫn ở trên của Bản án sơ thẩm là không phù hợp với hành vi và ý thức chủ quan của các bị cáo trong vụ án này vì: Theo lời khai của bị cáo T, bị cáo T1 phù hợp với lời khai nhận của các bị cáo Huỳnh Văn T2, Trương Đình D, Lý Thanh S, Trần Trọng H, Nguyễn Thọ Đại D và Nguyễn Quang P; phù hợp với lời khai của ông Trần Văn B (người bị hại) đều thể hiện rõ: Sau khi bị cáo T nhờ T1 tìm người đòi nợ thuê thì T1 nhận lời và rủ ngay Huỳnh Văn T2 tổ chức đòi nợ ông B. Sau khi ông B về thành phố Q và đến quán KC từ 10 giờ ngày 30/9/2015 thì bị cáo T yêu cầu T1 bố trí 3-4 người là đàn em của T1 đến quán Kim Cương khống chế đe dọa ông B, T1 điện thoại cho T2 (T2 đã nhận lời trước) yêu cầu T2 gọi thêm 3-4 đàn em đến quán KC ngồi chờ sẵn trong đó có Trần Trọng H, Lý Thanh S. Trong thời gian giữ ông B ở quán KC, bị cáo T2 đã có hành vi dùng tay đánh ông B 2 cái vào bụng, bẻ chiếc đĩa chỉ vào mặt ông B đe dọa trả tiền, nếu không trả thì T2 sẽ đâm ông B. Sau khi T2 đánh và đe dọa ông B, thì Trương Đình D (chồng của bị cáo T) đến, T rời quán KC và báo D ở lại buộc ông B viết giấy nhận nợ. D cùng với T2, T1, H và S tiếp tục có hành vi đe dọa, ép buộc ông B viết giấy nhận nợ. Ông B sợ hãi, nên viết giấy nhận nợ với Trương Đình D 1.080.000.000 đồng. Như vậy, từ 10 giờ ngày 30/9/2015 đến 19 giờ ngày 30/9/2015, tại quán KC các bị cáo: Nguyễn Thị Kim

T, Phan Nhật T1, Trương Đình D, Huỳnh Văn T2, Lý Thanh S, Trần Trọng H đã có hành vi đe dọa, ép buộc ông B viết giấy nhận nợ số tiền 1.080.000.000 đồng. Từ 20 giờ ngày 30/9/2015 đến sáng ngày 6/10/2015 các đối tượng trên đã giữ ông B tại nhà của ông B (nhà số S Nguyễn Hữu Quang, thuộc phường GR, thành phố Q). Khi ông B đến nhà số S, T1 dặn S gọi thêm người canh giữ ông B nên S gọi thêm Nguyễn Thọ Đại D, H gọi thêm Nguyễn Quang P đến canh giữ ông B trong suốt thời gian này. Trong thời gian giữ ông B tại nhà số 6, Vợ chồng T, D tiếp tục ép buộc ông B nhận nợ thêm 65.000.000 đồng nữa nâng tổng số tiền ông B phải nhận nợ là 1.145.000.000 đồng và viết giấy cam kết ngày 01/10/2015 phải trả trước 300.000.000 đồng. Vì luôn có người canh giữ nên ông B phải điện thoại mượn 50.000.000 đồng để trả trước cho T. Cũng trong thời gian này các bị cáo: Lý Thanh S, Trần Trọng H, Nguyễn Thọ Đại D và Nguyễn Quang P thay phiên nhau canh giữ ông B. Như vậy hành vi của các bị cáo Huỳnh Văn T2, Trương Đình D, Lý Thanh S, Trần Trọng H, Nguyễn Thọ Đại D, Nguyễn Quang P có dấu hiệu đồng phạm của Tội: “Cưỡng đoạt tài sản” cùng với bị cáo Nguyễn Thị Kim T và Phan Nhật T1. Khi xét xử sơ thẩm cấp sơ thẩm lại không căn cứ điểm b khoản 1 Điều 139 Bộ luật Tố tụng hình sự để quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung về hành vi đồng phạm về Tội “Cưỡng đoạt tài sản” của các bị cáo Huỳnh Văn T2, Trương Đình D, Lý Thanh S, Trần Trọng H, Nguyễn Thọ Đại D, Nguyễn Quang P là không đúng. Đề nghị của Kiểm sát viên và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại tại phiên tòa có căn cứ để chấp nhận. Hội đồng xét xử phải hủy Bản án sơ thẩm để điều tra lại vụ án theo quy định của pháp luật.

[3]. Đối với số tiền bị chiếm đoạt là 50.000.000 đồng như Kết luận điều tra, Cáo trạng và Án sơ thẩm đã xác định hay 1.145.000.000 đồng như yêu cầu kháng cáo của ông B thì thấy: Các bị cáo Nguyễn Thị Kim T, Phan Nhật T1 và đồng phạm ép buộc ông B viết giấy nhận nợ 2 lần, lần đầu tại nhà hàng KC ông B buộc phải viết giấy là còn nợ số tiền 1.080.000.000 đồng; lần thứ 2 tại nhà số S Nguyễn Hữu Quang ông B viết giấy nhận nợ số tiền 1.145.000.000 đồng. Số tiền thực tế bị cáo T và đồng phạm đã lấy được là 50.000.000 đồng. Trong thực tế thì ông B cũng thừa nhận còn nợ tiền của bị cáo T, lãi suất vay các bên đã thỏa thuận theo thông lệ, ông Nguyễn Văn Thư (Phó Giám đốc Công ty BN) cũng thừa nhận khi trả tiền thì thông thường số tiền trả sẽ được trừ vào tiền lãi trước rồi sau đó mới trừ vào tiền gốc nên số tiền các bị cáo nhằm chiếm đoạt là 50.000.000 đồng hay 1.145.000.000 đồng sẽ được xem xét cụ thể sau khi điều tra lại vụ án.

[4]. Xét kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Kim T và bị cáo Phan Nhật T1 cho rằng các bị cáo không phạm Tội: “Cưỡng đoạt tài sản” như án sơ thẩm đã quyết định vì các bị cáo chỉ lấy tiền nợ của ông B thì thấy: Như đã nhận định ở trên, hành vi của các bị cáo giữ ông B, ép buộc ông B phải 2 lần viết giấy nhận nợ, các bị cáo đã lấy được số tiền 50.000.000 đồng của ông B là hành vi trái pháp

luật, đủ yếu tố cấu thành Tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Bản án sơ thẩm tuyên bố các bị cáo phạm Tội “Cưỡng đoạt tài sản” là có căn cứ. Các nội dung kháng cáo khác của các bị cáo Huỳnh Văn T2, Phan Nhật T1, Nguyễn Thọ Đại D và Lý Thanh S cũng như kháng cáo của người bị hại (ông Trần Văn B) đề nghị tăng hình phạt về tội: “Giữ người trái pháp luật” đối với tất cả các bị cáo và không cho bị cáo Trương Đình D được hưởng án treo; về trách nhiệm dân sự, buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường số tiền thiệt hại 1 tỷ đồng về danh dự, nhân phẩm và uy tín sẽ được xem xét khi vụ án được giải quyết lại.

[5]. Do hủy án sơ thẩm để điều tra lại nên các bị cáo: Nguyễn Thị Kim T, Phan Nhật T1, Huỳnh Văn T2, Lý Thanh S, Nguyễn Thọ Đại D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Ông Trần Văn B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Từ những nhận định trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 248 và khoản 1 Điều 250 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của người bị hại (ông Trần Văn B).

1. Hủy bản án hình sự sơ thẩm số 13/2017/HSST ngày 14/4/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đối với các bị cáo: Nguyễn Thị Kim T, Phan Nhật T1, Huỳnh Văn T2, Trương Đình D, Lý Thanh S, Trần Trọng H, Nguyễn Thọ Đại D và Nguyễn Quang P. Giao hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định điều tra lại vụ án theo quy định.

2. Các bị cáo: Nguyễn Thị Kim T, Phan Nhật T1, Huỳnh Văn T2, Trương Đình D, Lý Thanh S, Trần Trọng H, Nguyễn Thọ Đại D và Nguyễn Quang P không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Ông Trần Văn B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKS ND tỉnh Bình Định;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Công an tỉnh Bình Định;
- Các bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu HS;
- Lưu lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến